

Như trên đã nói, trước năm 1930, thể văn phóng sự chưa ra đời ở nước ta trong lúc hoạt động báo chí đã khá sôi nổi. Những phóng sự tố cáo chế độ thực dân Pháp của Nguyễn Ái Quốc (1925) có thể xem là những tác phẩm phóng sự đầu tiên của người Việt Nam nhưng lại viết bằng tiếng Pháp, xuất bản ở Pháp tuy có tác dụng lớn đối với cách mạng Việt Nam, nhưng chưa thể xem là có ảnh hưởng rộng rãi trong đời sống văn học đất nước. Một vài tác phẩm của Phạm Quỳnh như *Pháp du hành trình nhật ký* (1918) và *Mười ngày ở Huế* (1919) chỉ là những tập du ký tuy có ít nhiều yếu tố phóng sự.

Vào đầu những năm 30, người đi tiên phong trong thể văn phóng sự là Tam Lang với *Tôi kéo xe* (1932). Đây là cuộc điều tra về tình trạng đời sống vô cùng cực khổ của những người phu xe ngày trước với những trang cực tả tội ác của bọn cai xe đối với hình thái lao động vào loại cực nhọc nhất ở thành thị bấy giờ. Tiếp đó là những tác phẩm phóng sự đặc sắc của Vũ Trọng Phụng ra đời liên tiếp: *Cạm bẫy người* (1933), *Kỹ nghệ lấy Tây* (1934), *Cơm thầy cơm cô* (1936), *Lục si* (1937).

Cùng với trào lưu văn học hiện thực phê phán, thể phóng sự phát triển đặc biệt mạnh mẽ trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Đây là

thời kỳ phong trào đấu tranh hoạt động bán công khai, báo chí tiến bộ cùng với báo chí cách mạng phát triển rầm rộ khắp Trung Nam Bắc.

- Năm 1937 đã phát hành 110 nhật báo, 159 kỷ yếu và tạp chí.

- Năm 1938: Số nhật báo tăng tới 128 tờ với 160 kỷ yếu và tạp chí.

- Năm 1939: 128 nhật báo, 170 kỷ yếu và tạp chí.

Như vậy, báo chí đến lúc này đã thực sự là lực lượng chuyển tải thông tin mạnh mẽ, có tác động to lớn đến đời sống tinh thần xã hội, góp phần tích cực trong việc thúc đẩy sự phát triển của thể văn phóng sự.

Những tờ báo công khai ở Việt Nam, kể cả báo tiếng Pháp và tiếng Việt đã dũng cảm vạch trần bộ mặt tàn ác của bọn thực dân đế quốc, bênh vực quyền sống của người dân. Phong trào vô sản hoá và báo chí cách mạng dũng cảm gióng lên hồi kèn chiến đấu, nhằm thẳng vào bè lũ đế quốc thực dân và bọn tay sai. Có một loạt bài báo xuất hiện trên các tờ: *Tranh đấu*, *La Volonté Indochinoise*, *Opinion*, *Liên hiệp Pháp - Nam*, *Tribune Indochinoise...* do chính những người Pháp tiến bộ và một số trí thức yêu nước Việt Nam lớn tiếng công kích chính sách thuế khoá

tàn ác, nặng nề của bọn thực dân Pháp, vạch trần những hành động đàn áp dã man của chúng đối với công nông, bênh vực quyền lợi của những người nghèo khổ. Có thể nêu một vài dẫn chứng: Trong bài báo *Khủng bố trắng ở Đông Dương* tác giả Lê Vinh đã lên tiếng bênh vực các chiến sĩ cách mạng, tố cáo chế độ nhà tù dã man của bọn thực dân: “Suốt trong ba năm, Hội đồng đề hình thường xuyên hoạt động, đó là một loại “toà án” gồm quan chức toà án, quan chức nhà nước thực dân, sĩ quan Pháp và quan lại phong kiến. Các hội đồng đề hình ấy luôn luôn tuyên án tử hình, án khổ sai và án tù đối với hàng nghìn chiến sĩ cách mạng. Hình bóng nhơ nhuốc của cái máy chém đã xuất hiện trên chiến trường hoạt động của những người khởi nghĩa Đông Dương”⁽¹⁾.

Ngay ông Phan Thúc Duyên - một nho sĩ trí thức yêu nước cũng đã công khai gửi cho tên Bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp Paul Rémard một bức thư dài phản đối chính sách hà khắc của chúng, nhân dịp hấn sang kinh lý Đông Dương năm 1931. Bức thư có đoạn viết: “Tôi muốn nói đến chính sách sai lầm mà Chính phủ bảo hộ đã

⁽¹⁾ *Khủng bố trắng ở Đông Dương*. Tài liệu tiếng Pháp. Thế Phong dịch. Tập Q.2, phòng lưu trữ nghiên cứu lịch sử Đảng TW.

không ngừng thi hành ở đây, chính sách ấy chỉ có dịp là khủng bố?... Hàng năm, thuế điền thổ và thuế thân ở làng nào cũng đều phải đóng thêm bách phân phụ thu. Biết bao thứ thuế mới đặt ra như thuế đoan, thuế muối, thuế lâm sản, thuế chợ, thuế rượu, trong điều kiện hiện nay dân chúng phải đóng thuế đặc biệt nặng nề⁽¹⁾

Ông Phan Thúc Duyên còn đề cập và phản đối nhiều vấn đề khác: Vua Thành Thái bị bắt, phong trào Văn thân 1908, khởi nghĩa Duy Tân, chính sách của toàn quyền Varenne, v.v... Đó là tiếng nói dũng cảm đanh thép và tâm huyết khiến các trí thức Việt Nam lúc ấy phải ngưỡng mộ, kính phục.

Trong bộ phận văn học cách mạng, phải kể đến sự ra đời của những phóng sự xuất sắc cả về hai mặt nội dung và hình thức. Mỗi trang, mỗi dòng trong cuốn *Ngục Kon Tum* của Lê Văn Hiến là một bản cáo trạng chân thực được viết bằng máu của những tù nhân cộng sản. Đó là câu chuyện đầy uất hận của 295 tội nhân trong đó hầu hết là chính trị phạm bị chính quyền thực dân đẩy lên Kon Tum để mở con đường 14 từ Đắc

⁽¹⁾ *Khủng bố trắng ở Đông Dương*. Tài liệu tiếng Pháp. Thế Phong dịch. Tập Q.2, phòng lưu trữ nghiên cứu lịch sử Đảng TW.

Xút, Đắc Pao đến Đắc Tao, Đắc Pénh: “Chỉ trong thời gian 6 tháng từ tháng chạp năm 1930 đến tháng 6 năm 1931 mà 170 người bị bỏ xác chốn rừng xanh, vùi xuống miền đất đỏ và đó cũng là câu chuyện anh hùng về cuộc đấu tranh anh dũng và oanh liệt của những người chiến sĩ cách mạng, vạch trần những âm mưu thâm độc của bọn thực dân xâm lược với những thủ đoạn man rợ cốt giết được chừng nào chính trị phạm hay chừng ấy”.

Để cổ vũ tinh thần đấu tranh, khơi dậy lòng căm thù giai cấp, hai cán bộ cộng sản là Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp (dưới bút danh Qua Ninh và Vân Đình) đã viết thiên phóng sự điều tra *Vấn đề dân cày*, kết tội chế độ thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai.

Trong bộ phận văn học không cách mạng từ thời kỳ Mặt trận Dân chủ phải kể đến các tập phóng sự của Tam Lang với *Đêm sông Hương*, Trọng Lang với *Làm dân, Làm tiên, Hà Nội làm than, Thầy lang, Trong làng chạy*; Ngô Tất Tố với *Việc làng* và *Tập án cái đình*; Hoàng Đạo với *Trước vành móng ngựa*; Nguyễn Tuân viết *Ngọn đèn dầu lạc*; Nguyễn Hồng viết *Tù đàn bà, Tù trẻ con*; Vũ Bằng viết *Tôi buôn lậu, Cai...*

Đặc biệt “Ông vua phóng sự đất Bắc” đã liên tiếp trình làng một loạt phóng sự xuất sắc.

Tóm lại, lịch sử 15 năm (1930-1945) đã ghi lại dấu ấn huy hoàng về sự ra đời và phát triển của thể văn phóng sự Việt Nam. Đó không chỉ đơn thuần là thời kỳ xuất hiện bùng nổ, trưởng thành của thể phóng sự, mà còn là cái mốc, đánh dấu một sự đột biến và chất lượng của tác phẩm với những khả năng bao quát, phản ánh khá toàn diện và sâu sắc diện mạo của đời sống xã hội lúc bấy giờ.

Chương Hai

NHỮNG ĐẶC SẮC CỦA PHÓNG SỰ VŨ TRỌNG PHỤNG

Có thể nói, cùng với Trọng Lang, Vũ Trọng Phụng là một trong hai cây bút bén duyên lâu bền nhất với thể tài phóng sự. Chính bằng tài năng và sức lao động nghệ thuật phi thường của mình, Vũ Trọng Phụng đã thu được những thành tựu rực rỡ, trở thành nhà phóng sự hàng đầu của Việt Nam.

Theo thứ tự thời gian, Vũ Trọng Phụng đã để lại 7 thiên phóng sự (viết trong vòng 6 năm) sau đây:

1. *Cạm bẫy người* (Báo Nhật Tân) năm 1933.
2. *Kỹ nghệ lấy Tây* (Báo Nhật Tân) năm 1934.
3. *Dân biểu và dân biểu* (Báo Công Dân) năm 1935.
4. *Cơm thầy cơm cô* (Hà Nội báo) năm 1936.
5. *Vẽ nhọ bôi hề* (Báo Tương Lai) năm 1936.

6. *Lục sì* (Báo Tương Lai) năm 1937.

7. *Một huyện ăn Tết* (Tiểu thuyết thứ bảy) năm 1938.

Trong các phóng sự của ông, mảng đề tài thành thị chiếm một tỷ trọng áp đảo. Điều đó vừa thể hiện sở trường và ưu thế của nhà văn, vừa phản ánh đúng hiện thực khách quan của xã hội: Thành thị, đặc biệt là thành thị phương Đông trong buổi giao thời của chế độ thực dân phong kiến là nơi tích tụ gần như hầu hết sức nóng tiềm ẩn có tính “hạt nhân” của thời thế. Thâm canh ở mảng đề tài này, các phóng sự của Vũ Trọng Phụng vừa có độ “chụm” cao, vừa “bắt” đúng mạch nguồn của những vấn đề sôi động, bức xúc vào bậc nhất trong xã hội. Chính từ vị trí tiên phong này, “Ông vua phóng sự” Vũ Trọng Phụng đã có những đóng góp đặc sắc trong những phóng sự nổi tiếng của mình. Các phóng sự của ông là kết tinh của một lối viết vừa có giá trị phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội, vừa thể hiện một trình độ nghệ thuật cao.

I. PHƠI BÀY CUỘC SỐNG ĐAU THƯƠNG TRONG XÃ HỘI

1. Quy luật tha hoá của đời sống thành thị

Cùng với một vài đồng nghiệp khác, Vũ Trọng Phụng hăm hở nhập cuộc trong vai nhà phóng sự. Ngòi bút của ông không chỉ phản ánh những sự

kiện, hiện tượng đơn lẻ trên bề mặt mà thực sự đào sâu vào hiện thực, phơi bày những mặt trái thối tha, ghê tởm của cái ung nhọt xã hội thành thị những năm 30, một xã hội “Toàn là quân khốn nạn, quan tham lại nhùng, đàn bà hư hỏng, đàn ông dâm bôn, một tụi văn sĩ đầu cơ, xảo quyệt mà cái xa hoa chơi bời của bọn nhà giàu thì thật là những câu chữ rửa vào cái xã hội dân quê thợ thuyền, bị lầm than, bóc lột”⁽¹⁾. Hà thành đầy áp những ổ mại dâm, những tệ nghiện hút, cùng những phường lưu manh, trộm cắp, nhan nhản những trẻ em bị đoạ đầy trong kiếp tội đời. Các phóng sự nổi tiếng của Vũ Trọng Phụng như *Cạm bẫy người*, *Kỹ nghệ lấy Tây*, *Cơm thầy cơm cô*, *Lục si*, có sức tổng hợp và khái quát cao độ, động chạm tới những vấn đề có tính quy luật, tính thời đại: Quy luật tha hoá của con người trong xã hội thực dân phong kiến, quy luật thống ngự của đồng tiền, quy luật cạnh tranh gay gắt “cá lớn nuốt cá bé” đến cạn kiệt cả nhân tính, v.v...

a. Số phận bi thảm của gái mại dâm và bán mại dâm:

Mại dâm vốn là đề tài quen thuộc trong văn chương các quốc gia từ thời trung đại. Từ trong thơ

⁽¹⁾ Hữu Ngọc. *Từ điển văn hoá cổ truyền*. Nxb Thế giới. Hà Nội 1995. Tr.9.

Đường, thơ Tống, hình ảnh người kỹ nữ và thân phận bọt bèo là điều thường gặp.

Ở Nhật Bản, ở Việt Nam, ở văn học phương Tây, hình ảnh người kỹ nữ vẫn là điều thường thấy.

Sang đầu thế kỷ XX, ở nước ta nạn mại dâm đã trở thành một tệ nạn khủng khiếp, lan tràn trong xã hội như một bệnh dịch. Tam Lang, Trọng Lang và Vũ Trọng Phụng đã trực tiếp viết về đề tài này. Trong con mắt Tam Lang, sông Hương không còn là dòng sông thơ mộng nữa, mà thực sự nhuộm màu ô ứ. Hình ảnh những “con thuyền hoa” bồng bềnh trôi dạt dọc dài trên sông Hương, thực chất là những “hang”, những “động” trá hình. Đó là nơi hành lạc của khách làng chơi với các cô gái làm nghề “bán tròn nuôi miệng”.

Trọng Lang đã viết thiên phóng sự *Hà Nội làm than* cực lực tố cáo tệ mại dâm. Tác giả đưa chúng ta đến với xã hội hủ bại của những kiếp đời tủ nhục như những đồ chơi mạt hạng, có thể chuyển đổi, sang tay từ người này qua người khác. Thế giới lầu xanh đã tước đoạt ở con người cả thiện lương, nhân tính, biến họ thành những kẻ ác độc với đồng loại và đồng nghiệp, đẩy họ vào những ngõ cụt tuyệt vọng. Cô L. gái Thổ “ọc ra máu”, có một thân hình tiêu tụy: “Sau lần áo mỏng, hình hai cái xương ngực của cô gái và hơi thở gấp của người

thiếu máu, kém ngủ” “nói gần vào mặt tôi, từ trong mồm cô, đưa ra một thứ hơi... “thối” vô cùng... Thứ hơi “thối” của ruột, gan, phổi đã nấu ra vì lao lực, thức đêm, kiếm ăn, hơi thối của các thứ vi trùng bệnh kín và ho lao”⁽¹⁾.

Lục si - thiên phóng sự của Vũ Trọng Phụng ra đời năm 1937, đã miêu tả nạn mại dâm từ một góc độ khác, góc độ khái quát của một công trình điều tra khoa học về tệ nạn này. Thông qua hàng loạt tư liệu được thu thập chính xác và công phu, nhà phóng sự đã khảo sát toàn bộ nạn mại dâm của Thủ đô Hà Nội. Ngay từ những dòng đầu tiên, tác giả đã đưa chúng ta tới một nhận thức kinh hoàng về tình trạng trầm trọng của nó. Đó là con số 5.000 gái điếm chính thức trong một thành phố chưa đầy 18 vạn dân, nghĩa là chiếm tỉ lệ 3% dân số. Từ những số liệu khách quan ấy, đối chiếu giữa hai yếu tố “cung” và “cầu”, tác giả đã chỉ rõ sự bất lực của các nhà chức trách và vạch rõ nhà *Lục si* chỉ là cơ sở chữa và khám hoàn toàn mang ý nghĩa hình thức đối với gái mại dâm; bởi lẽ nhà *Lục si* chỉ đảm đương nổi chưa đầy 200 con người, bởi lẽ 5.000 dĩ lậu mà chỉ có một thanh tra người Pháp chỉ huy năm,

⁽¹⁾ Tam Lang. *Phóng sự chọn lọc*. Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội 1995. Tr.121.

sáu thầy, đội con gái; “quản” 16 nhà thổ chung, 15 nhà thổ riêng, 337 cái phòng ngủ trong các nhà sầm trong một đêm, tác giả kết luận, dẫn lời chính bác sỹ Joyeux: “Cảnh sát phường chèo!”

Từ sự phân tích cụ thể và khoa học bằng các con số điều tra, thiên phóng sự đã nêu ra hậu quả ghê gớm của tệ nạn mại dâm: “Năm 1914, bảy mươi tư phần trăm (74%) binh lính Pháp ở Bắc Kỳ mắc phải những bệnh hoa liễu... trong số những người chột và mù của dân mình 70% là do vi trùng lậu mà ra”, “Cứ 4.000 trẻ con mới đẻ mà chết, thì trung bình chừng một nghìn đứa trẻ, theo lối nói kiêng của người mình là sài đẹn, là bỏ, là mất, là khó nuôi, nhưng theo khoa học thì chết, vì bố mẹ có bệnh giang mai, hoặc những biến chứng của bệnh ấy”.

Rõ ràng, Vũ Trọng Phụng không nhìn nhận mại dâm như một tệ nạn thông thường, mà cao hơn, là một “quốc nạn” đang hoành hành, từng giờ, từng phút đe dọa, huỷ diệt giống nòi. Đây là biểu hiện tâm vóc hơn hẳn của tác phẩm về mặt nội dung. Nếu như Tam Lang, Trọng Lang bằng những trang mô tả sinh động đã phơi bày nạn mại dâm ra trước thanh thiên, bạch nhật khiến người ta phải ghê sợ, thì Vũ Trọng Phụng đã chỉ

rõ hậu quả khôn lường của sự tha hóa, sự băng hoại trên phương diện đạo đức, xã hội, nhân phẩm và giống nòi. Tệ mại dâm là một căn bệnh trầm kha, kinh niên, lây lan trong xã hội với một tốc độ chóng mặt, khó lòng ngăn chặn được. Một xã hội nhan nhản những nhà sãm, ổ chứa như thế, sự tha hoá, sa đoạ của con người là điều khó tránh. Chưa có thời kỳ nào trong lịch sử nước ta, nạn mại dâm lại hoành hành ghê gớm đến như vậy. Chỉ cần ra khỏi nhà độ mười thước, xa vợ con độ mười phút, một người đàn ông lương thiện, một người chồng, người cha đáng kính đã có thể dễ dàng sa bẫy bọn ma cô bởi những lời đường mật, mồi chài của chúng:

- “Dạ bấm chắc chắn lắm ạ! Người buôn tơ ở Đình Bảng đấy! Cẩn thận lắm vì lần đầu tiên cô ta muốn kiếm thêm...

- Ở nhà quê mới ra đây có hai hôm... Mặc váy cẩn thận, và chưa biết đi guốc!

- Thì bấm vâng chứ sao! Cậu muốn tân thời thì cũng có tân thời! Con nhà danh giá hẳn hoi... Nhưng mà giá tiền khí đắt một chút”.

Rõ ràng tâm vóc tư tưởng và giá trị phản ánh của *Lục si* ở mức cao hơn. Nó không dừng lại ở sự mô tả mà chỉ rõ cơ chế vận hành, nguyên nhân,

hoạt động của ngành “công nghệ” xác thịt, những nẻo đường dẫn tới nghề mại dâm, trong đó nguyên nhân kinh tế là cơ bản.

Từ việc khảo sát và nghiên cứu, Vũ Trọng Phụng đã tiến hành phân loại đối tượng, chia gái đi ra làm bảy hạng: Từ gái đi đã có giấy, đi lậu, cô đầu đến đằm Tây thật, tiếp đó lý giải được toàn bộ cơ chế của một guồng máy cùng với các biểu hiện biến tướng của nó.

Một khía cạnh nữa, đáng ghi nhận ở *Lục sì* là tác giả đã đề xuất những giải pháp có lý, ngô hầu giải quyết tận gốc tệ nạn. Theo ông, Nhà nước phải có:

- Một đội ngạch con gái đầy đủ, nhân viên hơn và có quyền hơn nữa để có thể bắt năm, sáu nghìn gái đi lậu thuế, nếu chỉ kể trong một Hà Nội...

- Phải có những đạo luật cho phép ngạch ấy được vào các tiệm rượu, tiệm thuốc phiện, những nhà khả nghi là có “tổ quý”.

- Hợp nhất nhà lục sì vào nhà thương bảo hộ để có một nơi chữa được nhiều bệnh nhân hơn nữa, mà số tiền ấy, ngân sách Bắc Kỳ chịu một nửa, quỹ thành phố chịu một nửa...

- Đặt một khu riêng cho nghề mại dâm...

Đặt tác phẩm vào thời điểm sáu mươi năm

trước, chúng ta mới thấy giá trị của những giải pháp đó quả là sắc bén, táo bạo và tương đối hợp lý. Cho đến hôm nay, một khi mại dâm vẫn còn là một tệ nạn hoành hành, nhức nhối làm băng hoại đạo đức, tàn phá giống nòi thì những biện pháp của Vũ Trọng Phụng vẫn còn là những gợi ý bổ ích.

Gần gũi với mại dâm là “nghề” lấy Tây. Đó cũng là một loại mại dâm trá hình, mại dâm dài hạn. *Kỹ nghệ lấy Tây* là phóng sự tập trung về vấn đề xã hội “nóng” này và cũng là phóng sự duy nhất ở giai đoạn 1930-1945 đề cập tới vấn đề này. Điều đó hoàn toàn không phải là sự ngẫu nhiên, nó chứng tỏ đây là việc làm có ý thức, sắc sảo và nhạy bén của “Ông vua phóng sự”. Tập phóng sự 10 chương này đã làm sống dậy cả lịch sử hình thành và phát triển của nghề lấy Tây, thể hiện khả năng quan sát, phát hiện và nhập cuộc rất mau lẹ của tác giả. Do nhiều nguyên do, cái sự lấy Tây cũng diễn ra có tính “đặc thù” trong xã hội thực dân - phong kiến. 60-70 năm trước lấy Tây là chuyện động trời, bởi ông Tây thời ấy đồng nghĩa với “ông” thực dân, kẻ cướp nước. Kẻ lấy Tây bị khinh miệt, bị xếp vào hàng điếm vì ngoài việc chạy theo đồng tiền và nhục dục ra, lấy Tây là lấy “giặc”.

Nghề lấy Tây tuy không mấy phức tạp, song

cũng thật “lắm chuyện”. Tác giả nhìn thấy nó dưới góc độ khá đặc biệt và hài hước của một “kỹ nghệ”, có “đào tạo” có “chuyển giao công nghệ” hẳn hoi. Lấy Tây là một nghề được cấp môn bài, được xếp vào ngạch bậc kinh doanh, có lớp, có thầy, có tổ sư, đồng môn, đồng nghiệp, có cả lý thuyết và phần công đoạn thực hành. Trong con mắt nhà phóng sự, nghề lấy Tây ngày càng gia tăng, hình thành các trung tâm: Thị Cầu, Chùa Thông, Tuyên Quang, Việt Trì... Rọi sâu vào thế giới nhân loại lạ lùng này, tác giả đã phát hiện ra hàng loạt những điều “mới mẻ” mà trên đất nước An Nam, tự cổ chí kim chưa từng có! Đó cũng chỉ là quan hệ mua và bán khi “người đàn bà chỉ cần có tiền và người đàn ông chỉ cần đến nhục dục”. Tác phẩm như một cuốn phim thời sự, ghi nhanh những bức chân dung từ các vị sư tổ: Bà Ách Nhoáng, bà đội Chóp đến các bà Kiểm Lâm, bà cai Budich, cô Duyên, cô Tích, cô Ái,... mỗi cảnh đời gắn liền với một nỗi đau thương, tủi cực. Song tất cả đều chung một số phận, một thân phận, đó là số phận người phụ nữ trong xã hội thực dân đế quốc. Một xã hội nô lệ thì không ai có thể có tự do, không ai có hạnh phúc. Cái quy luật tha hoá của đạo đức, lương tâm, phẩm giá ấy đã hiển nhiên treo trước nhỡn tiền, đang rung một hồi chuông cảnh tỉnh toàn xã hội.

b. Cuộc sống bần cùng của những con sen, thằng ở:

Cơm thầy cơm cô là một thiên phóng sự được dư luận xếp vào loại xuất sắc. Ngòi bút của Vũ Trọng Phụng đã làm sống dậy một thảm cảnh, thảm kịch của một đạo quân đói rách, trôi dạt từ khắp các hang cùng ngõ hẻm của các vùng nông thôn xa xôi, dồn ứ lại giữa chốn thị thành. Những em nhỏ thơ ngây, dưới ngòi bút đặc tả của Vũ Trọng Phụng hiện lên vật vờ như những cô hồn đói khát, nhóp nhép. Chúng ăn chực, nằm chờ ở nhà ga, quán trọ, chờ được bán sức lao động ngang với giá súc vật để được làm “nô lệ” hiện đại. Đó đây, ống kính của nhà phóng sự đã tiến hành quay cận cảnh, làm sống lại những bức chân dung đầm đìa nước mắt: Con Sen Đũi, thằng bé ho lao, con ở bị điện giật. Đối lập với chúng là những bộ mặt lì lợm, khả ố mất hết nhân tính của một mục đưa người, những ông chủ, bà chủ keo bần, tàn ác. Con Sen Đũi “đi ở năm 12 tuổi” suốt ngày quần quật làm việc như trâu ngựa “ăn đói làm no” mỗi ngày độ ba trăm lần bị mục chủ rửa xả “tiên sư cha”, để rồi một năm sau bị chính mục ta cho vào “xiếc”. Ở tuổi 13 sự trinh trắng của em đã bị tước đoạt trắng trợn và thú vật. Trong tiếng nói thẳng thốt, đau thương của em hằn lên từng dòng, từng chữ bằng máu, vò xé lòng ta mạnh mẽ biết nhường nào.

“Cha tiên nhân năm đời mười đời nhà nó! Chính nó đã làm cho tôi mất tâm! Anh ơi, tôi lúc ấy mới 13 tuổi đầu mà nó nhét giẻ vào mồm tôi, giữ hai chân tôi thẳng oằn cứ việc hiếp lấy hiếp để”.

Sau khi bị cưỡng đoạt, em bé ấy được trả công 2 đồng bạc. Ba ngày sau chính thức gia nhập vào làng mại dâm. Những bức tranh hiện thực man rợ ấy vừa phơi bày bản chất xấu xa của một chế độ, vừa thấm nhuần chủ nghĩa nhân đạo cao cả. Không có lòng xót thương, không có một trái tim đồng cảm, không thể viết được những dòng như thế, không thể đưa ra được những nhận xét tinh tế và sâu sắc về mặt trái của xã hội Hà thành: “Nó đã cất tiếng gọi dân quê bỏ những nơi đồng khô, cỏ héo đến đây để chết đói một lần thứ hai sau khi bỏ cửa bỏ nhà. Nó đã làm cho giá con người ngang hàng với giá loài vật, nó đã làm cho một bọn trẻ đực vào nhà Hoả Lò và một bọn trẻ cái làm nghề mại dâm”.

Thẳng thốt, xen kẽ trong các chương đoạn, Vũ Trọng Phụng hạ bút nhận xét đôi dòng như một sự ngẫu nhiên, tạt ngang vậy. Song đó chính là những lời phê phán mạnh mẽ, những cú “đá móc” hóc hiểm, đánh võ mặt. Khi ông viết: “Cái giá trị làm người, nghĩa là không bằng giá súc vật. Thật vậy, tôi thấy một vài con chó còn được chủ mua

thịt bò cho ăn. Có khi con chó mỗi tháng khiến chủ tốn kém hơn một đũa tô tở trong nhà”. Sự biến đổi số phận của những em bé đi ở, gắn liền với sự tha hoá và tính quy luật của xã hội. Con đường lưu lạc của những kiếp đời thơ dại từ thôn quê trôi dạt ra thành thị chỉ là thay đổi vị trí, thay đổi hoàn cảnh thuần túy trên phương diện vật lý của sự chuyển động, thật ra về căn bản không có gì khác nhau. Đây không phải là sự xô dịch của những quân cờ trên bàn cờ, mà là sự chuyển động ô ạt của hàng loạt sinh mạng từ cái lò sát sinh thô sơ của làng quê tù hãm, tới một lò sát sinh khác hiện đại hơn ở thị thành. Trong xã hội thực dân phong kiến, thân phận con người có khác gì con sâu, cái kiến.

Khai thác mạnh mẽ sức thể hiện của loại văn tư liệu này, Vũ Trọng Phụng còn liên tiếp phóng ra những bức chân dung đối lập về các ông chủ, bà chủ để làm nổi bật ý tưởng. Sự đối lập ấy, đồng thời cùng một lúc mở toang ra thêm nhiều cánh cửa mới tới mức hãi hùng về loại người. Tác giả đã phát hiện ra những mối mâu thuẫn, những mặt trái của sự vật - nơi cái thiện và cái ác luôn luôn xuất hiện như cặp bài trùng đấu tranh gay gắt để loại trừ nhau, đồng thời cũng là hai mặt hữu cơ, nương tựa nhau, thúc đẩy nhau làm nên cấu trúc của một xã hội. Sự phát hiện này thuộc về vấn đề có tính quy luật và bản chất.

Mụ đưa người. Đó là một kẻ đã quá lười trong nghề “buôn” người, đã thực sự mất hết nhân tính. Trong mắt mụ, những trẻ em bất hạnh kia chỉ trần trụi là những món hàng hoá, chỉ là những con vật để mua - bán, mà cả kiếm lời. “Cái giá trị làm người đối với bọn cơm thầy cơm cô không phải ở sức làm việc, mà treo trên đầu lưỡi của con mẹ nặc nô mềm nắn rần buông và suốt đời không biết nói thật”.

Đây là bà chủ con sen Đũi. Một con mẹ me Tây thập thành, hết duyên nhưng vẫn không giảm bớt sự dĩ thoã và ham muốn dục tình, “mỗi ngày độ ba trăm lần “tiên sư cha” đầy tớ”. Ngoài những thói tật trên, mụ còn hiện nguyên hình là kẻ bất lương, sẵn sàng đồng loã để gây tội ác vào bất cứ hoàn cảnh nào vì mục đích kiếm xu. Còn quan hệ vợ - chồng trong gia đình mụ cũng là quan hệ tồi tệ. Cuộc khẩu chiến kịch liệt giữa hai ông bà chủ chứa đầy tính bi - hài: “Ông gọi bà bằng tên giống vật và bà lấy chỗ hiểm trong thân thể người đàn bà ra đặt danh từ (nom) và trạng từ (adectif) lại cho cái mặt “phúc hậu” của ông. Gia đình rạn nứt, “ông ăn chả, bà ăn nem”. Có kẻ giàu nứt đố, đổ vách mà sẵn sàng kiếm cố ăn quýt năm hào tiền công đưa ở. Có tên ăn chơi phè phỡn, học đòi quý phái, thượng lưu, nuôi chó Nhật bằng thịt bò và súp mà nuôi cha đẻ như một kẻ ăn mày, réo chửi “tiên sư ông cụ”. Thật là chó hơn cả chó!”.

c. Tệ nạn cờ bạc - căn bệnh xã hội vô phương cứu chữa:

Trong con mắt của Vũ Trọng Phụng, tệ nạn cờ bạc đã trở thành “quốc nạn” hoành hành, tàn phá đến tận gốc của đạo đức xã hội. *Cạm bẫy người* là thiên phóng sự chuyên ngành về tệ nạn này. Dưới ngòi bút sắc sảo, thấm đượm nhân tình của Vũ Trọng Phụng, thế giới cờ bạc hiện lên đậm nét như một cuộn phim thời sự với tất cả mặt trái xấu xa, đa dạng của nó. Những con bạc xuất hiện trong tác phẩm không phải với tư cách cá nhân đơn lẻ, mà chúng đủ tầm vóc đại diện cho cả một lực lượng xã hội, theo đúng cái nghĩa đen “sinh nghề tử nghiệp”. Cũng như nghề mại dâm, nạn cờ bạc lây lan mạnh mẽ dưới sự chi phối của quy luật thống trị của đồng tiền trong xã hội thực dân, tư bản. Nó có sức mạnh vô hình ghê gớm. Bất kỳ một đối tượng nào, một khi đã rơi vào ổ nhện với những mạng lưới tổ chức, với các chân rết giăng “thiên la địa võng” ra khắp Hà thành, lập tức sẽ bị sa lưới, bị ăn sống, nuốt tươi. Đặc sắc của thiên phóng sự này ở chỗ tác giả không miêu tả thuần túy các sự kiện, không chỉ cung cấp cho độc giả hàng đống tư liệu về nghề cờ bạc như một cuốn bách khoa của nghề mà còn nhìn thấy bản chất của sự tha hoá của con người trong xã hội trước sức mạnh đồng tiền mà chưa một xã hội

nào, một thời đại nào lại có sức tàn phá, huỷ hoại mạnh mẽ, nhanh chóng như vậy.

Từ việc miêu tả cận cảnh, những canh bạc trên chiếu - nơi làng bịp tung quân xuất trận với tất cả các ngón đòn, dử dội, áp đảo, với những bức chân dung cụ thể của một ông phán: “Lương tháng gần 10 lạng vàng, nhưng tháng nào cũng vậy, cứ đến mồng mười là nhà đã không còn đến một xu”⁽¹⁾, một ông chủ báo thua một canh tài bàn 163 đồng, gần bằng 7 lạng vàng, một nhà buôn “nướng” 1.300 đồng (50 lạng vàng) chỉ một canh xóc đĩa. Cờ bạc hoành hành như một thứ giặc, bên cạnh 4 loại giặc “thủy, hoả, đạo, tặc” mà dân gian đã từng tổng kết. Nó mạnh mẽ đến nỗi, các nhà đương cục cũng phải nhắm mắt bó tay vì không sao đủ sức dẹp nổi nó. Mặt khác, nạn cờ bạc cũng chính là con đẻ của xã hội ấy, nó sinh ra cùng xã hội, nó sẽ phát triển và tồn tại mãi trong lòng xã hội, chùng nào mà ở đó mọi thứ quan hệ giữa người với người vẫn được xây dựng trên nền tảng đồng tiền, vẫn tuân thủ quy luật “cá lớn nuốt cá bé”.

Không thi vị hoá cuộc sống, không nhìn cuộc sống từ cái vỏ hào nhoáng bên ngoài, ngòi bút của Vũ Trọng Phụng đã cắm sâu vào cái ung nhọt, lật

⁽¹⁾ Vũ Trọng Phụng. *Cạm bẫy người*. Nxb Đồng Nai. 1985. Tr.210.

lên những trang đầy máu mủ với những sự thật ghê rợn và trần trụi. Chính vì vậy thiên phóng sự *Cam bẫy người* đã trở thành một trong những phóng sự xuất sắc điển hình nhất về tệ nạn cờ bạc ở nước ta trong chế độ cũ. Và vẫn giữ nguyên giá trị tố cáo sâu sắc trong thời buổi hôm nay.

II. NGHỆ THUẬT TIẾP CẬN HIỆN THỰC ĐỘC ĐÁO, SẮC SẢO, LINH HOẠT:

Là một thể văn tư liệu, trong phóng sự nghệ thuật tiếp cận hiện thực để khai thác, phát hiện thông tin và thể hiện chúng có vai trò đặc biệt quan trọng, nhiều khi quyết định tầm vóc và sự thành bại của tác phẩm. Ở mặt này, Vũ Trọng Phụng đã tỏ rõ là một cây phóng sự độc đáo, sắc sảo và hết sức linh hoạt. Ông thực sự tỏ rõ sự già dặn và hết sức có ngón nghề trong nghệ thuật phát hiện và xử lý khối lượng tư liệu phong phú, ngôn ngôn và đập ắp tính thời sự của mình. Ở mỗi mảng đề tài, Vũ Trọng Phụng đều có cách tiếp cận linh hoạt và phù hợp, đều biết tìm ra con đường đi tới đích một cách có hiệu quả và mau lẹ: Khi mở cuộc điều tra, thu thập tư liệu chứng cứ một cách khoa học, khi đột nhập vào tận hang ổ, từ trong lòng sự vật mở hướng nhìn ra, truy tìm đến cùng, đến tận ngõ ngách, xó xỉnh, tận người tận việc, để nhận

chân tội ác, khi đột kích từ công hậu để khám phá, có khi theo lối điều khiển từ xa tóm bắt đầu mối, theo dõi chúng vận hành từ trên “sa bàn chỉ đạo”. Linh hoạt cơ động trong bút pháp, sắc sảo và độc đáo trong thể hiện là đặc sắc của nghệ thuật viết phóng sự của Vũ Trọng Phụng.

1. Từ góc độ cơ cấu tổ chức:

So với các đồng nghiệp đương thời, Vũ Trọng Phụng là nhà văn có khả năng nắm bắt và chiếm lĩnh hiện thực một cách mau lẹ và nhạy bén. Mọi sự vật và hiện tượng nảy sinh trong xã hội xô bồ, chông chéo, song một khi đã được thẩm định và sàng lọc của nhà nghệ sĩ đều lập tức được sắp đặt trong một hệ thống hoàn chỉnh và thống nhất. Tiếp cận với hiện thực, bao giờ Vũ Trọng Phụng cũng nhìn thấy chúng tồn tại trong mối quan hệ của một chỉnh thể, một cơ cấu tổ chức. Ông nhìn thấy sự tác động qua lại trong mối quan hệ nhân quả chi phối nhau, quy định lẫn nhau, ngòi bút ông khát khao theo dõi đến tận cùng sự vật từ lúc nó bắt đầu vận động cho tới điểm kết thúc cuối cùng, khám phá ra những điều sâu xa thú vị, bất ngờ đến lạ lùng có liên quan tới bản chất của sự vật, chi phối mọi chiều vận động của chúng. Ông nhìn thế giới cở bạc trong một chỉnh thể thống

nhất “làng bịp”, nhìn những me Tây trong cơ chế một “làng me”, những gái mại dâm quy tụ trong một “nhà Lục sĩ”; quan sát, dõi theo bước chân của bọn nha lại những lăm trong địa bàn “một huyện” và bên bàn đèn một ông lục sự. Sự khái quát này, một mặt chứng tỏ khả năng chiếm lĩnh và nắm bắt hiện thực rộng lớn, nhanh nhạy và sắc sảo của nhà văn, mặt khác tạo cơ sở vững chắc để nhà văn đi ngay vào bản chất sự việc.

Trong *Cạm bẫy người*, Vũ Trọng Phụng không chú ý nhiều đến việc liệt kê, mô tả sự sát phạt của các con bạc trên chiếu mà chủ yếu ông dồn sức cho việc khám phá các thành tố cấu thành của toàn bộ guồng máy cờ gian bạc bịp ấy. Đó là một tổ chức phát triển tới một trình độ cao, của một bộ máy khá hoàn chỉnh và có sự chỉ đạo chặt chẽ, giống như một đảng phái; đứng đầu là các vị thủ lĩnh tối cao. Hai đảng trong làng bịp, một bên do Ấm B phụ trách, một bên là cánh Thượng Ký. Chúng vừa có sự thống nhất tương đối trong mục đích và bản chất, vừa là đồng nghiệp của nhau, đồng thời lại là kẻ tử thù của nhau. Lẫn theo hành tung của hai tổ chức này, có thể thấy toàn bộ thế giới cờ gian bạc bịp của chốn Hà thành.

Tổ chức giang hồ ấy có sự phân chia đẳng cấp, ngôi thứ chặt chẽ. Từ ông trùm nắm quyền chỉ đạo

toàn thể ở cấp “Trung ương” đến lớp đàn em, hợp thành các tướng lĩnh trong bộ tham mưu thống nhất gồm: Những “chuyên gia”, “giáo sư”, những “kỹ sư”, đến một hệ thống chân rết đàn em làm nhiệm vụ che chắn, hướng đạo; và hàng trăm vệ sĩ - bọn yêu tạ lưu manh để đảm bảo cho sự tồn tại và vận hành của thiết chế ấy. Nhập cuộc vào làng bịp, Vũ Trọng Phụng không chỉ đóng vai một nhân chứng mà có lúc ông đã “lặn” sâu vào gan ruột của cơ cấu ấy, với đủ tư cách của một thành viên cùng “ăn một mâm, nằm một chiếu” với làng bịp; phát hiện ra liên tiếp những điều thú vị đến hãi hùng. Cái tổ quỷ cờ bạc ấy giăng thiên la địa võng ở khắp mọi nơi theo kiểu “ổ nhiệm”. Và như thế tai mắt của chúng không bao giờ bỏ sót một con mồi, không một đối tượng nào có thể thoát thân, tất cả đều phải trở thành những “con mòng” cho chúng bu vào “làm thịt”.

Dưới sự chặn dắt và bồi dưỡng của Ấm B theo lối điều khiển từ xa, các nhân vật Cả Ủn, Tham Vân, Ký Vũ, Ba Mỹ Ký, Khương Sinh Từ, Mỹ Bối... âm âm xuất trận. Ngoài việc mở lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, làng bịp còn áp dụng “luật” thống nhất, có kho vũ khí chung và có một “ngân hàng” chung.

Từ cơ cấu tổ chức chung, tác giả đưa chúng ta đến cận cảnh - đi vào từng bộ phận kết cấu của nó

tường tận và cụ thể. Trong vụ sấn ông thân để ra Tham Vân; Tham Ngọc “giáo sư” đã hé mở ra một vài đường cơ bản: Các ngón bịp, lối đánh nhị cập nhất, lối huyệt nọc, lối đánh thông lưng, v.v... Rồi qua ông “quân sư” bạc bịp, chúng ta lại hiểu rõ ràng những đòn cơ bản khác đến từng chi tiết: Đòn thuy châu, đòn Vân Nam, đòn bàn nhé, đòn bát lò so, v.v... các lối giác mùi, giác bóng, con súc sắc lưỡng điện, đánh ống, đánh cản, cỗ bài mầu tử, v.v... Chân dung của ông trù thật sắc và sinh động. Ấm B: “Một tay đỡ lấy trán, tay kia bấm đốt tính lằm nhằm như một thầy bói lấy số tử vi...”, “Hai đám xì, một đám bát, một đám xóc đĩa, một ván tổ tôm. Đánh xì ở hàng Kèn đã có Ba Mỹ Ký... ở đường Cột Cờ có tay Bình, tay Sinh đánh đòn Vân Nam. Còn đám bát ở phố Hàng Bông đã có lão Cường hoặc đánh lớp, hoặc đánh mầu tử. Xong dứt ba đám... còn đám tổ tôm không biết tính thế nào... Cầu thật... còn mấy anh lái nầu động mả, giữa trời đất này cũng về khuya xóc đĩa nữa, đã nằm sấn như lợn cả kia thì bắt ai đi chọn tiết bây giờ”.

Chính sự đột nhập để khám phá và phát hiện ra cạm bẫy của tổ chức trong làng bịp đã khiến tác phẩm trở nên cụ thể, sinh động và có giá trị tố cáo hết sức sâu sắc. Cái đạo quân vô hình ấy thật đáng sợ biết bao. Nó hoành hành ngay trước mũi của

pháp luật, khiến Sở Liêm phóng cũng đành chịu bó tay, và bất kỳ “con mòng” nào một khi đã vào lưới thì cũng chỉ còn một đường nằm chịu chết để cho chúng “nhét đất thó vào mũi mà lấy tiền”. Cái thế giới cờ bạc thối tha, ghê rợn ấy đã tàn phá đến tận gốc lương tâm, đạo đức, đẩy biết bao nhân mạng xuống vực thẳm, ngụp lặn trong đó, suốt đời không tìm thấy đường ra.

Cùng một lối tiếp cận từ cơ cấu, phóng sự *Một huyện ăn Tết* lại được “thiết kế” theo một phương thức sáng tạo khác. Nhà phóng sự không tiến hành theo lối thực địa mà “chỉ đạo” theo kiểu “điều khiển từ xa”. Từ bên khay bàn đèn của viên lục sự già - con cáo già trong nghề đục khoét - để hệ thống hoá và xử lý tư liệu. Từ đại bản doanh là chốn huyện đường, tác giả phóng tầm mắt theo bước hành quân của bọn cai lệ, từ đó lật lên toàn bộ bản chất tham nhũng của bộ máy thống trị thực dân - phong kiến - vấn đề rất điển hình vừa có ý nghĩa thời sự, lại có giá trị lâu dài như chính tác giả viết: “Một cuộc điều tra tình cờ - một chuyện huyện nọ vào tháng chạp năm ngoái, nhưng cái đó có hề gì? Nó có thể vẫn cứ là câu chuyện Tết năm nay, lại có thể là câu chuyện Tết sang năm nữa”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Nguyễn Đăng Mạnh. *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng*. Tập 1. Nxb Văn học. Hà Nội 1987. Tr.611.

Thế là từ trên “sa bàn chỉ đạo”, tác giả đã đột nhập theo bước hành quân của bọn quan tham lại nhũng, chứng kiến những thủ đoạn cướp ngày tinh vi, trắng trợn của chúng. Nhận lệnh từ thượng cấp - viên lục sự già - “biết đục khoét thành thánh” ấy, dưới sự chỉ huy của cai cơ, lữ lính lệ trống dong cờ mở tiến vào “trận” theo đúng “luật” mà nhà nước bảo hộ cho phép. Cả làng quê trên địa bàn một huyện bắt đầu nhón nhác, sôi lên sùng sục, lữ hương lý, kỳ hào - những chức sắc sở tại sợ xanh mắt như cá nằm trên thớt. Lý trưởng bị hạch bữa rượu, phó lý phải cung đốn châu thuốc phiện, rồi phải lo lót tay chúng sao cho thật êm thấm, bằng không sẽ mất Tết. Mọi thủ đoạn làm tiền, xoay tiền của bọn cai, lệ đã thuần thục thành kỹ xảo; cả kẻ nhận hối lộ và người phải hối lộ đều đã quá hiểu nhau, bởi lẽ đó là cái bệnh đã thành “lệ”, đã trở thành nề nếp!

Cùng xuất trận với các nhà đương chức, đại diện cho công lý, còn là lữ ăn theo như loại nho Kh. Đó cũng là cơ hội tổng tiền của chúng. Tiếp cận hiện thực từ góc độ cơ cấu tổ chức, tác giả đã tạo ra một lợi thế, cho phép mình có điều kiện nhìn sâu vào các cơ quan đầu não của một chế độ. Ông nhìn thấy toàn bộ guồng máy nhà nước ấy từ dưới lên trên đều thống nhất nhau trên bản chất của sự tham nhũng có tính cố hữu, kinh niên: “Thì ra cách tổ chức xã hội kim thời, thật vậy, kẻ đã là chu đáo

đến tột bậc. Xã hội thì như một bộ máy tinh tế, mà cá nhân là những cái bánh xe, nếu một cái quay thì bao nhiêu cái khác cũng phải quay theo, nếu một cái hỏng thì toàn bộ cũng phải ngừng lại... Chẳng một ai lại có thể đứng ra ngoài công lệ: Cá lớn nuốt cá bé”⁽¹⁾.

Cái tổ chức ăn cướp được xã hội bảo lãnh ấy, thống nhất trong cơ chế vận hành, cũng rất thống nhất trong phương thức phân phối. Có tỷ lệ rõ ràng: “Họ phải trích ra một nửa để đem lên tỉnh nộp ông quản cơ. Thường ra, số tiền ấy là đã thành lệ, như một điều trong sổ dự toán. Ông quản cơ tỉnh sẽ nhân danh cả cái giới lính cơ dùng cái số tiền kia để mua lễ vật biếu các quan trên, cụ Bố, cụ Thượng, ông Đồn. Sự thăng chức nhanh hay chậm của các cá nhân hoặc cả đoàn thể ảnh hưởng ở cái lễ to hay nhỏ”⁽²⁾.

Rõ ràng những phóng sự của ông là bản cáo trạng danh thép tố cáo và lên án xã hội thực dân đế quốc, phơi bày sức mạnh vạn năng của đồng tiền. Đồng tiền đã làm biến đổi lương tâm con người, làm băng hoại đạo đức xã hội, tác oai tác quái và tạo dựng nên cái chế độ xấu xa từ trong máu thịt, từ gốc của nó.

(1) (2). Nguyễn Đăng Mạnh. *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng*. Tập 1. Nxb Văn học. Hà Nội 1987. Tr.619.

2. Từ góc độ nghề nghiệp:

Trong con mắt sắc sảo của nhà phóng sự bậc thầy Vũ Trọng Phụng, mọi tệ nạn xã hội dường như đều được cấu thành từ những cơ cấu tổ chức. Các tổ chức ấy có tính nghề nghiệp rất rõ ràng và chặt chẽ: Nghề mại dâm, nghề đánh bạc, nghề lấy Tây, nghề đi ở, v.v... thậm chí ông còn đề cập chúng ở góc độ cao hơn như một “Kỹ nghệ”: Kỹ nghệ lấy Tây.

Kỹ nghệ lấy Tây là phóng sự thể hiện sắc nét khả năng tiếp cận hiện thực từ góc độ nghề nghiệp của nó. Từ cái tên đặt cho thiên phóng sự với hàm nghĩa cô đọng, điển hình, vừa pha chút hài hước, tác giả đã chỉ rõ cả lịch sử hình thành với tất cả những thăng trầm, bi hài, chỉ rõ nguồn gốc của vấn đề, từ vị “tổ sư” là bà đội Chóp - người đặt viên gạch đầu tiên, mở đường cho kỹ nghệ lấy Tây: “Có can đảm đánh trống cho chị em hậu sinh, động viên, khích lệ họ không phải “nơm nớp” lo sợ những ông khổng lồ tóc đỏ, mắt xanh”⁽¹⁾.

Thế giới làng me cũng hết sức phong phú và sinh động, gồm đủ loại: Có lớp “thợ già” đi trước chăm lo làm nhiệm vụ truyền nghề, đào tạo nghề cho lớp kế cận như bà Kiểm Lâm, bà cai Budích, bà Ách Nhoáng, có lớp học trò mới bổ sung như

⁽¹⁾ Vũ Trọng Phụng. *Kỹ nghệ lấy Tây*. Nxb Văn học. Hà Nội 1989. Tr.54.

những cô gái “thợ trẻ”: Duyên, Ái, Tích. Cuộc sống của những người đàn bà An Nam với các ông Tây theo kiểu “già nhân ngãi, non vợ chồng” ấy cũng diễn ra rất phức tạp. Thực chất đó là những cuộc gả bán, những cuộc mà cả, lừa đảo giữa một bên “vì nhục dục” và một bên “vì tiền”. Cũng giống như bất kỳ một nghề nghiệp nào khác, giữa các me đồng nghiệp cũng diễn ra những cuộc cạnh tranh quyết liệt để dèm pha nhau, phá giá nhau, nằng tay trên của nhau; lôi kéo các khách hàng vào những cuộc chiến tranh quyết liệt kiểu Sơn Tinh - Thủy Tinh. Tác giả đã nhận rõ thực chất của nghề lấy Tây là một loại mại dâm trá hình được ngụy trang sau chiếc mặt nạ “ái tình” với biết bao kỹ thuật và chiến thuật, yêu giả, ghen giả để đạt tới cái đích là đồng tiền, đúng như lời của chính các me tự khẳng định: “Chúng tôi lấy họ vì tiền chứ không bao giờ vì tình cả”⁽¹⁾. Qua cuộc điều tra khá kỹ càng trên thực địa của thị trường, tác giả đã thể hiện “kỹ nghệ” này bằng nhiều nhân chứng, vật chứng và tư liệu sinh động. Thái độ của tác giả ít nhiều có sự xót xa, thông cảm có pha hài hước với những nỗi éo le, ngang trái của những số phận trôi dạt theo kiểu “phú quý giạt lùi” của một cái nghề không có tương lai, song lại đeo đẳng, dày vò không

(1) Vũ Trọng Phụng. *Kỹ nghệ lấy Tây*. Nxb Văn học. Hà Nội 1989. Tr.33.

ít người phụ nữ như một thứ “nghiệp chương, tiên oan” vậy. Cho nên dẫu có phê phán họ, tình cảm của Vũ Trọng Phụng vẫn được bộc lộ một phần giá trị nhân đạo. Cùng với hàng loạt phóng sự khác, *Kỹ nghệ lấy Tây* làm phong phú thêm thế giới hiện thực được biểu hiện với góc tiếp cận linh hoạt sắc sảo của nhà văn.

3. Đột nhập từ công hậu, từ gan ruột sự vật:

Trong khi hầu hết các nhà phóng sự đương thời thường chỉ chú ý nhiều đến việc mô tả và khai thác tư liệu, ít chú ý đến góc quan sát và bước tiếp cận, thì Vũ Trọng Phụng lại rất coi trọng nghệ thuật tiếp cận. Phóng sự của ông luôn uyển chuyển, linh hoạt, bởi ông luôn luôn tạo ra các điểm nhìn khác nhau. Xuất phát từ các hướng tiếp cận khác nhau các phóng sự của ông không chỉ là sự trình bày tư liệu theo lối liệt kê cứng nhắc, một chiều, hoặc áp dụng lối thuyết lý dài dòng. Tam Lang, Trọng Lang và cả Ngô Tất Tố nữa thường mắc nhược điểm này.

Khi viết *Việc làng* gồm 17 chương, Ngô Tất Tố dùng bút pháp thống kê tư liệu và thuyết minh là chủ yếu. Từ chương 1 đến chương 17 đều được viết theo một công thức chung theo lối kết cấu nhân quả. Chương nào cũng vậy, thường mở đầu bằng

câu: Tôi bắt gặp, Tôi hết sức ngạc nhiên, Nay tôi ngạc nhiên, Lúc đầu tôi tưởng rằng, v.v... Cách viết như thế tỏ ra thiếu linh hoạt trong kết cấu bố cục, khiến các tính cách bị gò bó, không tạo điều kiện, thoả mái cho nhân vật vận động.

Trái lại ở Vũ Trọng Phụng, mỗi phóng sự có một cách tiếp cận linh hoạt khác nhau kết cấu, bố cục và trần thuật riêng. Chẳng hạn trong *Cơm thầy cơm cô* để hiểu sâu mặt trái cay cực của nghề đi ở, ông đã phát hiện, thể hiện hiện thực này bằng một lối tiếp cận độc đáo: Từ phía cổng hậu, chứ không phải từ “mặt tiền thơm tho hoa lệ” (lời Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh). Hay trong *Lục sì*, để hiểu rõ thực chất và thực trạng đau thương của nạn mại dâm, nhà văn đã đột kích vào sự vật từ trung tâm, từ trong lòng nó. Ông không miêu tả cảnh mua bán dâm mà điều tra tệ nạn này từ hang ổ nhà Lục sì - nơi khám và chữa bệnh cho gái mại dâm của toàn bộ thành phố Hà Nội. “Nơi cấm mà, nếu không phải là nhà thổ, không là mật thám, không là thầy thuốc, thì không bao giờ ta được bước chân vào”⁽¹⁾. Cách lựa chọn này sắc sảo, thông minh và táo bạo, chưa ai nghĩ đến và chưa ai làm. Tác giả đã nghiên cứu, điều tra tệ nạn mại dâm từ trong sào huyệt của nó - “Viện bảo tàng những

⁽¹⁾ Vũ Trọng Phụng. *Lục sì*. Nxb Minh Phương. 1937. Tr.83.

điều ô uế”, vì thế phóng sự *Lục si* có sức khái quát hiện thực cao hơn và điển hình hơn.

Trở lại *Cơm thầy cơm cô* với đặc sắc riêng của nó trong tiếp cận hiện thực. Từ cánh cổng khép hờ phía sau, nhà văn đi dần vào gan ruột của sự vật, từ đó phanh phui ra biết bao chuyện động trời, hãi hùng về thế giới loài người; phát hiện ra biết bao mối quan hệ đau thương, xấu xa, thâm kín đầy chất bi hài giữa chủ và tớ, giữa vợ và chồng, giữa cha và con, giống như một cái túi đã được lộn trái, tất cả sự thật trần trụi đều phơi bày giữa thanh thiên bạch nhật, đóng đinh vào lịch sử, không thể chối cãi.

Tóm lại, trên góc độ nghệ thuật tiếp cận hiện thực, Vũ Trọng Phụng quả đã có nhiều tìm tòi sáng tạo độc đáo, thông minh. Đặc sắc này đã góp phần hết sức quan trọng làm nên sự thành công đặc biệt cho các phóng sự của ông.

III. PHƯƠNG THỨC TỰ SỰ

Ngoài những yếu tố đặc sắc về giá trị nội dung, về phương thức tiếp cận hiện thực độc đáo, sắc sảo, nghệ thuật xây dựng cốt truyện và điển hình các phóng sự của Vũ Trọng Phụng còn bộc lộ một số đặc sắc thể hiện một bút pháp tự sự độc đáo và tài hoa ở một số khía cạnh nổi bật sau:

1. Nghệ thuật tổ chức tình huống, xây dựng và dẫn dắt tình tiết:

Về nghệ thuật tự sự, các phóng sự của ông có sức cuốn hút đặc biệt mạnh mẽ đối với người đọc, bởi:

- Cấu trúc chặt chẽ, cốt truyện và nhân vật thống nhất.

- Các tit đặt rất hấp dẫn, gợi cảm, có sức hút mạnh mẽ.

- Các tình tiết luôn gợi mở tình huống, đưa người đọc đi hết bất ngờ này, sang bất ngờ khác.

Phóng sự của Vũ Trọng Phụng là một kho tàng đầy ắp tư liệu và sự kiện. Những tư liệu và sự kiện ấy đều là những chi tiết được chọn lọc tới mức điển hình, tạo nên những ấn tượng thẩm mỹ mạnh mẽ và hấp dẫn đối với người đọc. Ngoài cái duyên kể chuyện ra, ông còn luôn luôn biết tạo ra độ dính kết đặc biệt cho tác phẩm, khiến người đọc phải chú ý, bị hút vào tác phẩm từ đó nảy sinh nhu cầu hưởng thụ nghệ thuật, nhu cầu khám phá.

Cả 13 chương *Cạm bẫy người* là 13 phóng sự nhỏ có sự xây dựng và dàn dựng tình tiết công phu và hấp dẫn, những cái tit đầu chương như: “Ông thân tôi là mòng”, “Ông quân sư bạc bịp”, “Đố anh nào bịp được mắt tôi”, “Canh tài bàn tay tư”, “Cái “lưới nhện”, v.v... đều mang tính khái quát và hấp

dẫn cao. Những tí trên thực sự giới thiệu được chủ đề chính của từng chương. Ngay từ chương I của tác phẩm, bằng những dẫn chứng chân thực và sinh động về hai nhân vật Tham Vân, Tham Ngọc và âm mưu liên quân có nghề vào loại bậc thầy của chúng để giăng lưới “thịt” ngay bố đẻ Tham Vân, tác giả đã dựng nên trước mắt người đọc một sự thật phũ phàng, tàn nhẫn về nạn cờ bạc trong xã hội Việt Nam thời trước. Toàn bộ những thủ đoạn ấy đều được che giấu, sắp xếp đến cao cường, đầy bản lĩnh đến nỗi ông bố đẻ Tham Vân sau khi đã bị đo ván, phải nộp tới 63 viên đạn (63 đồng) vẫn phải ngậm bồ hòn làm ngọt, lễ độ với Tham Vân:

- “Thôi, mời bác lên gác đi nghỉ với em. Bác đồ và đánh cao quá, thật số bác hôm nay phát tài. Tôi thua để đến hơn sáu chục...”

Việc Tham Vân nhẫn tâm “thịt bố” vừa mới là việc nhõn tiên, lại tiếp ngay đến cảnh bồi An dẫn quân về “thịt” người chú ruột. Tình tiết và hoàn cảnh ở đây éo le hơn và cũng tàn nhẫn hơn nhiều. Người chú họ bồi An cầm tiền ra tỉnh không phải là để đánh bạc mà chính là để cất thuốc về chữa chạy cho đứa con ông ta (tức em của bồi An) ở quê nhà đang thập tử, nhất sinh. Nhưng máu đỏ đen và sự hờm hĩnh đã đưa ông chú đáng thương ấy vào tròng trở thành con mồi vô thức. Còn bồi An đã

bị sức mạnh lôi cuốn của những đồng tiền đến mức tán tận lương tâm. Vì tiền hắn đã sẵn sàng hành động, bất chấp cả đạo lý, quyết chiếm đoạt đến cùng, không đếm xỉa gì đến sự sống của người em họ. Hắn bô bô nói ra những lời thất đức:

- “Ông ta từ Phủ Lý ra đây định cân sâm cho con giai đang ốm thập tử nhất sinh đấy... Ông bảo thế mà không thịt thì có dại không? Mình không xoi thì cũng đến lượt chán vạ những thằng khác chúng nó xoi”.

Cảnh bồi An tiễn chân ông chú đã thua cháy túi về vào sáng hôm sau “Ông chú bác An rũ rượi người ra như con chim bị đạn” thật tàn nhẫn. Với cách đặc tả bằng những chi tiết chọn lọc, không cần bình luận, tác giả đã liên tiếp đưa chúng ta đi từ bất ngờ này sang bất ngờ khác, mở ra liên tiếp những hành lang kiến thức mới, nhiều khi gây ra những khám phá đột ngột đặc sắc và thú vị. Sau khi giới thiệu những thủ đoạn tinh vi của các vị tổ sư bạc bịp với hàng loạt cảnh ngộ và chân dung mình chứng hùng hồn cho sự tha hoá của con người trước sức mạnh đồng tiền, nhà phóng sự lại đưa ra những điều mới mẻ, khiến trường liên tưởng và trường cảm xúc của chúng ta bị đổi dòng. Ông Ấm B - trùm cờ gian bạc bịp, tưởng đã mất hết nhân tính, hoá ra vẫn còn là kẻ biết trọng tín

nghĩa. Trước cái chết của Ba Mỹ Kỳ, một thủ túc đắc lực, ông ta vẫn biết nghĩ đến “nghĩa tử là nghĩa tận” lo việc ma chay chu đáo cho người xấu số.

Lối viết tạo tình huống để gây sức hấp dẫn bất ngờ là biện pháp thường gặp trong các phóng sự của Vũ Trọng Phụng. Ở *Cơm thầy cơm cô*, trong *Kỹ nghệ lầy Tây*, *Một huyện ăn Tết* chúng ta thường gặp.

Câu chuyện kể hấp dẫn của viên lục sự già bên khay bàn đèn thuốc phiện diễn ra trước ngày giáp Tết đã có sức hút đặc biệt. Song đặc biệt hơn nữa là chính từ cửa miệng con người “biết đục khoét thành thánh” ấy, thiên phóng sự đã mở ra liên tiếp những tình huống, những cảnh ngộ bất ngờ: Cảnh bọn cai lệ toả xuống hương thôn ăn cướp hợp pháp, cảnh các thầy thông, thầy ký như kiếu Nho Kh. lợi dụng ngày Tết tổng tiền, cùng với những thủ đoạn bậc thầy khi cật vấn Chánh Cờ, khi nhả nhận chào cụ Bá. Thủ đoạn của Nho Kh. thật uyển chuyển, nhưng cái đích mà hắn nhằm tới chỉ có một: Hạch tiền. Chỉ một vài chi tiết vắn tắt như một nét ký hoạ mà thật giàu ý tưởng và đầy hấp dẫn: “Buổi chiều hôm sau, Nho Kh. quay về huyện, trước mặt tôi, thầy vui vẻ để vào khay của cụ lục mười cái giấy bạc nhỏ” và khi Nho Kh. biết con môi (phó tổng Hường) đã bị sênh, liền xám mặt.

- Mẹ kiếp được rồi, sang năm thì rồi mà y xem ông! Ông ăn cơm mới rồi mới nói chuyện cũ”.

2. Đặc sắc trong cách dựng đối thoại:

Với Vũ Trọng Phụng, đối thoại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Một mặt có tác dụng khắc hoạ tính cách nhân vật, mặt khác tạo ra những hấp dẫn và lý thú. Ngay từ phần mở đầu phóng sự *Kỹ nghệ lấy Tây* ông đã dựng nên một phiên toà rất độc đáo với những đoạn đối thoại khác thường. Phiên toà xử một me Tây:

- Tên là gì?
- Nguyễn Thị Ba.
- Bao nhiêu tuổi?
- Hai năm.
- Làm nghề gì?
- Trước lấy một ông phó đoàn, sau lấy một ông...
- Im! Nghề gì chứ ai hỏi chồng!...
- ... - Việc gì mà vô nghề nghiệp!
- Thế làm nghề gì?
- Làm nghề gì? Làm nghề... Làm nghề lấy Tây.

Với một đoạn đối thoại mở màn, không một lời bình luận, tác giả đã dựng được cảnh sống động